

Số: 16 /2018/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

SỞ TƯ PHÁP TP. ĐÀ NẴNG
ĐẾN Số: 1981
Ngày: 20/1/2018
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 818 /TTr-SNV ngày 27 tháng 3 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018 và thay thế Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của UBND thành phố Đà Nẵng.

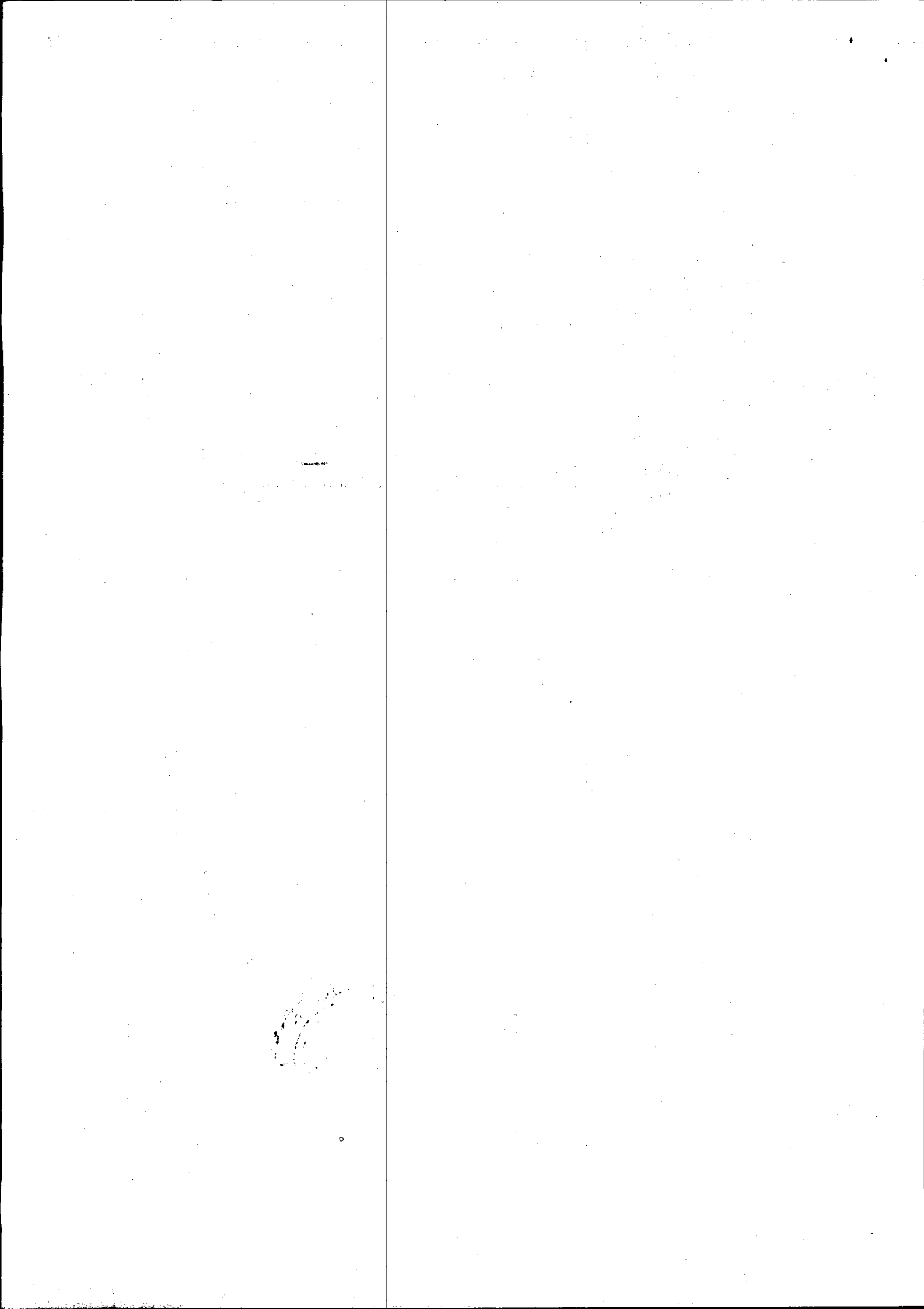
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan công tác Đảng, sở, ban, ngành, Mặt trận, hội, đoàn thể thành phố; các quận, huyện; các cụm, khối thi đua thuộc thành phố; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ud*

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Bộ Nội vụ;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở, ban, ngành, quận, huyện, Mặt trận, hội, đoàn thể TP;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn TP;
- Cụm, khối thi đua thuộc thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, SNV.



Huỳnh Đức Thơ



QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2018/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 4 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về:

- a) Phạm vi, đối tượng áp dụng, nguyên tắc và căn cứ thi đua, khen thưởng;
- b) Hình thức, nội dung và trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua;
- c) Tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục, quy trình xét các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng;
- d) Xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương, huy chương, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước; đề nghị Chính phủ tặng Cờ thi đua và đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc;
- đ) Hiệp y khen thưởng của UBND thành phố Đà Nẵng.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tập thể, cá nhân đang sinh sống, làm việc, học tập trong và ngoài thành phố Đà Nẵng có thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thi đua: Là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể nhằm phấn đấu đạt được thành tích tốt nhất đóng góp cho sự phát triển của thành phố Đà Nẵng, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng: Là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh công trạng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể có thành tích đóng góp cho sự phát triển của thành phố Đà Nẵng, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Hiệp y khen thưởng: Là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ trước khi khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

4. Đơn vị, địa phương: Là các sở, ban, ngành, cơ quan công tác Đảng, Mặt trận, hội, đoàn thể thành phố; các quận, huyện; các cụm, khối thi đua; các doanh nghiệp thuộc thành phố; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố; các đơn vị thuộc và trực thuộc cơ quan cấp thành phố; đơn vị thành viên khối thi đua.

5. Cơ quan cấp thành phố: Là các sở, ban, ngành, cơ quan công tác Đảng, Mặt trận, hội, đoàn thể thành phố; các quận, huyện; các cụm, khối thi đua và doanh nghiệp thuộc thành phố.

6. Đơn vị thuộc và trực thuộc: Là đơn vị trực tiếp chịu sự quản lý điều hành của cơ quan cấp thành phố theo quy định của pháp luật.

7. Đơn vị thành viên: Là đơn vị tham gia một cụm, khối thi đua.

8. Thành tích đột xuất: Là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm có tác động, ảnh hưởng trong phạm vi ngành, lĩnh vực thuộc thành phố.

9. Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất: Là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc thành tích được cơ quan, tổ chức trong khu vực hoặc thế giới tặng thưởng huy chương, giải thưởng, giấy chứng nhận và các hình thức ghi nhận hợp pháp khác, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và được cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận.

10. Luật thi đua, khen thưởng: Là viết tắt của Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 47/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội.

Điều 4. Nguyên tắc và căn cứ thi đua, khen thưởng

Nguyên tắc và căn cứ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 10 Luật thi đua, khen thưởng; Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (*sau đây viết tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ*), Điều 2 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (*sau đây gọi tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ*) và các nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị, địa phương cấp nào phát động thi đua thì đơn vị, địa phương cấp đó tổ chức ký kết giao ước thi đua, tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết đánh giá, xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định.

2. Các đơn vị, địa phương khi đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố, cấp Nhà nước phải căn cứ vào thành tích đạt được và thành tích các đơn vị thuộc và trực thuộc để xem xét đề nghị khen thưởng, phù hợp với tiêu chí thi đua, tiêu chuẩn khen thưởng và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Khi xét khen thưởng người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu của đơn vị, địa phương phải căn cứ vào tiêu chuẩn của cá nhân và thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo. Không khen thưởng tập thể khi tập thể đó có người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật hoặc có cá nhân bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

4. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

5. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

6. Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

7. Hình thức, mức hạng khen thưởng phải phù hợp với thành tích đạt được. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để đề nghị nâng mức khen thưởng lần sau.

8. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn.

9. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Quan tâm khen thưởng cá nhân, tập thể từ yếu kém, phấn đấu trở thành điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; người dân tộc thiểu số và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, học tập, công tác.

10. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung.

11. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

Hình thức tổ chức thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 4 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

2. Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

3. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp, tiêu chí thi đua, tiêu chuẩn khen thưởng.

4. Trước khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt có phạm vi trong các đơn vị, địa phương có thời gian từ 03 năm trở lên, đơn vị, địa phương gửi Kế hoạch Tổ chức phát động phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố để theo dõi, tổng hợp báo cáo Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

5. Người đứng đầu các đơn vị, địa phương khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt trong phạm vi đơn vị, địa phương thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền.

6. Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm trở lên, các đơn vị, địa phương lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xem xét, khen thưởng và trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Đối với phong trào thi đua có thời gian từ 05 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP để trình cơ quan có thẩm quyền xét khen thưởng.

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và theo Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý theo các nội dung sau:

1. Tổ chức phong trào thi đua phải gắn với nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị, địa phương để đề ra chỉ tiêu, nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, khoa học, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân. Phong trào phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền.

2. Căn cứ đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng.

3. Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia và đảm bảo các điều kiện tinh thần, vật chất cho phong trào. Thường xuyên theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, ý nghĩa, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua.

5. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức; các phương tiện thông tin đại chúng trong việc phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch UBND thành phố có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức, phát động, triển khai thực hiện và tổng kết phong trào thi đua của thành phố.

2. Thủ trưởng các đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động, triển khai thực hiện và tổng kết phong trào thi đua trong phạm vi ngành, đơn vị, địa phương mình quản lý.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi, quyền hạn, nhiệm vụ của tổ chức mình, phối hợp với các cơ quan của Nhà nước để phát động, triển khai thực hiện; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua yêu nước và thực hiện chính sách khen thưởng; giám sát thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương III**THÂM QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ
TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG
VÀ HIỆP Y KHEN THƯỞNG THUỘC THÂM QUYỀN
CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ****Điều 8. Thâm quyền của Chủ tịch UBND thành phố**

1. Tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng như sau:

a) Danh hiệu thi đua:

- Đối với tập thể: Cờ thi đua của UBND thành phố, Tập thể lao động xuất sắc.
- Đối với cá nhân: Chiến sĩ thi đua thành phố.

b) Hình thức khen thưởng: Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố.

2. Xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương, huy chương, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước; đề nghị Chính phủ tặng Cờ thi đua và đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc theo quy định.

3. Xét hiệp y khen thưởng theo đề nghị của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

Điều 9. Cờ thi đua của UBND thành phố

Cờ thi đua của UBND thành phố được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật thi đua, khen thưởng và Khoản 1, Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Được đánh giá, bình xét, suy tôn là đơn vị xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua của cụm, khối thi đua hoặc các phong trào thi đua chuyên đề do Thành ủy, UBND thành phố tổ chức, phát động khi sơ kết, tổng kết từ 03 năm trở lên.

2. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của thành phố.

3. Có mô hình mới, nhân tố mới để các tập thể, cá nhân khác học tập.

4. Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 10. Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc

Tập thể lao động xuất sắc được xét tặng cho tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

1. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

6. Đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.

Điều 11. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua thành phố

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua thành phố được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 22 Luật thi đua, khen thưởng và Khoản 2, Điều 9 và Khoản 8, Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở (tính đến năm đề nghị khen thưởng).

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố của cá nhân được áp dụng đạt hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng đối với thành phố. Sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố do Chủ tịch UBND thành phố xem xét, công nhận hoặc đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố đã nghiệm thu do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố cấp giấy chứng nhận.

3. Được các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố bỏ phiếu nhận xét và có tỉ lệ phiếu đồng ý đạt từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

Điều 12. Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố

Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố được xét tặng cho tập thể, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật thi đua, khen thưởng và Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố được xét tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do thành phố phát động.

b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc thành phố.

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (tính đến năm đề nghị khen thưởng), trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

d) Lập được thành tích đột xuất hoặc thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất.

đ) Cá nhân ở địa phương khác, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích, ý tưởng được xác nhận có đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố được xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Người lao động lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích, có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cấp huyện và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân trên địa bàn tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo.

3. Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố được xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2, Điều 72, Luật thi đua, khen thưởng, Khoản 2, Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do thành phố phát động hàng năm.

b) Lập được nhiều thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc thành phố quản lý.

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, pháp luật.

d) Lập được thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc đột xuất.

đ) Tập thể ở địa phương khác, tổ chức nước ngoài đã có thành tích, ý tưởng được xác nhận có đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trên lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

4. Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố được xét tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

5. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND thành phố quyết định khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền.

Điều 13. Hiệp y khen thưởng

Chủ tịch UBND thành phố xét, hiệp y khen thưởng theo đề nghị của các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương (trừ các nội dung không phải hiệp y theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng) theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 14. Quy định chung về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với tập thể, cá nhân làm cơ sở đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp thành phố, cấp Nhà nước

Việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định công nhận hoặc ủy quyền cho đơn vị thuộc hoặc trực thuộc công nhận.

1. Đối với cá nhân

a) Đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức: Việc đánh giá, phân loại thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức và Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

b) Đối với cá nhân không phải là cán bộ, công chức, viên chức: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xây dựng tiêu chí đánh giá, phân loại theo 04 mức: “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, “hoàn thành tốt nhiệm vụ”, “hoàn thành nhiệm vụ” và “không hoàn thành nhiệm vụ” (hoặc ủy quyền cho thủ trưởng đơn vị trực thuộc xét, công nhận).

2. Đối với tập thể

a) Tập thể được đánh giá, phân loại “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” làm cơ sở đề nghị tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố là tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ trọng tâm được giao.

- Sáng tạo, vượt khó hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác, vượt tiến độ, có chất lượng và hiệu quả.

- 70% cá nhân trong tập thể được đánh giá, phân loại từ mức “hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên và có cá nhân được đánh giá, phân loại “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; không có cá nhân được đánh giá, phân loại “không hoàn thành nhiệm vụ”.

- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Thủ trưởng các đơn vị, địa phương dựa vào tiêu chuẩn nêu tại Điểm a, Khoản này để xây dựng tiêu chí đánh giá, phân loại cho các tập thể thuộc và trực thuộc theo 04 mức: “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, “hoàn thành tốt nhiệm vụ”, “hoàn thành nhiệm vụ” và “không hoàn thành nhiệm vụ” (hoặc ủy quyền cho thủ trưởng đơn vị trực thuộc xét, công nhận). Việc đánh giá, phân loại mức độ hoàn

thành nhiệm vụ của tập thể được thực hiện đồng thời với việc đánh giá, phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ của cá nhân.

c) Riêng các tổ chức kinh tế trên địa bàn thành phố được đánh giá, phân loại “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” làm cơ sở đề nghị tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố là tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Tăng trưởng cao và bền vững; nỗ lực đổi mới, sáng tạo, tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới có sức cạnh tranh.

- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm tốt quyền lợi của người lao động.

- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện, phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường; tạo điều kiện cho tổ chức Đảng, đoàn thể hoạt động.

- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 15. Các quy định về sáng kiến và xét công nhận sáng kiến

1. Quy định chung về sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua thành phố do Chủ tịch UBND thành phố xem xét, công nhận.

b) Sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố theo công trạng, thành tích đạt được cho cá nhân là sáng kiến tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Quy định về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

a) Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

b) Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng các cấp gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp có nhiệm vụ giúp người đứng đầu công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả

để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định.

c) Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật khoa học và công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

d) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; ở cấp thành phố thì xét, tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua thành phố; ở cấp toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

đ) Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng với các hình thức khen thưởng theo quy định.

Chương IV

ĐĂNG KÝ THI ĐUA, THỦ TỤC, HỒ SƠ, TUYỂN TRÌNH, THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ, THỜI GIAN GIẢI QUYẾT

Điều 16. Đăng ký thi đua

Cơ quan cấp thành phố đăng ký Cờ thi đua của UBND thành phố, Cờ thi đua của Chính phủ đối với tập thể; danh hiệu Chiến sĩ thi đua thành phố, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đối với cá nhân, gửi về UBND thành phố (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố) trước ngày 15/02 hằng năm.

Riêng ngành Giáo dục - Đào tạo gửi trước ngày 15/10 hàng năm.

Điều 17. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật thi đua, khen thưởng, các quy định có liên quan theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

1. Thành phần hồ sơ:

- a) Văn bản đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân.
- c) Biên bản bình xét thi đua hoặc xét khen thưởng.

d) Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học (đối với cá nhân).

2. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với tiêu chuẩn, hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định.

Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được cấp Nhà nước (trừ khen thưởng đột xuất và khen theo niên hạn): Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng tính đến thời điểm UBND thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phải trước 03 tháng; nếu quá thời hạn trên, đơn vị, địa phương phải bổ sung thành tích của tập thể, cá nhân.

3. Việc khen thưởng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm toán phải có Báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền. Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong Báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

4. Đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp thành phố, Tập thể lao động xuất sắc và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

5. Khi đề nghị UBND thành phố trình Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ khen thưởng bằng văn bản thì đồng thời gửi kèm file điện tử của tờ trình, báo cáo thành tích kèm danh sách đề nghị khen thưởng về hộp thư điện tử Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố (tdkt@danang.gov.vn).

6. Đối với các hình thức khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố tiến hành lấy ý kiến nhân dân trên Trang thông tin điện tử Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố hoặc các phương tiện thông tin đại chúng trước khi trình lên cấp trên.

Điều 18. Điều kiện, hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Đối với khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo Điều 55 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với khen thưởng cấp thành phố thực hiện theo Điều 85 Luật thi đua, khen thưởng và Khoản 6, Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị của thành phố, nhằm kịp thời động viên, khích lệ quần chúng.

b) Tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc tiêu biểu, đột xuất, đặc biệt xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập.

c) Có thành tích, công trạng rõ ràng.

d) Cá nhân là ngư dân, đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân... và tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản thực hiện theo Khoản 6, Điều 45 và Khoản 3, Điều 55 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng.

b) Bản tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp thực hiện, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

4. Thủ trưởng các đơn vị, địa phương xét và đề nghị khen thưởng ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

Điều 19. Tuyển trình khen thưởng

Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật thi đua, khen thưởng và Điều 45, Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên (trực tiếp) khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, hội đồng nhân dân, đoàn thể:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, hội đồng nhân dân, đoàn thể thành phố, do cơ quan đảng, văn phòng hội đồng nhân dân, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, hội đồng nhân dân, đoàn thể thuộc cấp huyện, do cơ quan đảng, văn phòng hội đồng nhân dân, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch UBND quận, huyện khen thưởng hoặc Chủ tịch UBND quận, huyện trình Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Thủ trưởng cơ quan cấp thành phố:

a) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng Cờ thi đua của UBND thành phố, Tập thể lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua thành phố và Bằng khen cho tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

b) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ để đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước; đề nghị Chính phủ quyết định tặng Cờ thi đua của Chính phủ và đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

4. Thủ trưởng cơ quan Trung ương:

a) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng Cờ thi đua của UBND thành phố, Bằng khen cho tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn đối với thành tích chuyên đề, đột xuất, đặc biệt xuất sắc đột xuất.

b) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng Cờ thi đua và Bằng khen cho đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua do thành phố tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

5. Cụm trường, khối trường các cụm, khối thi đua thuộc thành phố:

a) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng Cờ thi đua và Bằng khen cho đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua.

b) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố đề nghị Chính phủ quyết định tặng Cờ thi đua của Chính phủ đối với cụm, khối thi đua có đơn vị thành viên là cơ quan cấp thành phố, phường, xã, doanh nghiệp (đối tượng và số lượng thực hiện theo đăng ký thi đua của UBND thành phố hằng năm với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương).

6. Đối với khen thưởng có yếu tố nước ngoài, Sở Ngoại vụ thành phố Đà Nẵng:

a) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng cho đối tượng là tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài thuộc trách nhiệm quản lý.

b) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương cho tập thể, cá nhân người nước ngoài theo quy định.

c) Hiệp y khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài theo đề nghị của sở, ban ngành, hội, đoàn thể, cụm, khối thi đua thành phố...

7. Đối với Huân chương Đại đoàn kết dân tộc, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc theo quy định.

8. Đối với các tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo thành phố, Ban Tôn giáo thành phố (Sở Nội vụ) đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Trường hợp các đơn vị, địa phương đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng thì phải có ý kiến hiệp y của Ban Tôn giáo thành phố.

9. Đối với các tổ chức kinh tế:

a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ vốn dưới 50% vốn điều lệ, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã... do cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Đối với quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch UBND các cấp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do sở quản lý ngành hoặc tổ chức được UBND thành phố giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

c) Tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, hoạt động và đặt trụ sở giao dịch chính trên địa bàn thành phố (bao gồm doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc hoạt động ở địa phương khác) do người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

d) Trường hợp tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp không đặt trụ sở chính trên địa bàn thành phố nhưng có thành tích đóng góp cho thành phố thì do Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

10. Đối với khen thưởng gia đình, UBND quận, huyện:

a) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng Bằng khen cho gia đình có đủ tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 4, Điều 12 Quy định này;

b) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho gia đình theo quy định.

11. Đối với cá nhân đã nghỉ hưu, nay đơn vị đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) xem xét, hoàn chỉnh, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

12. Đối với cá nhân là ngư dân, đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân... và tập thể lập được thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong phường, xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp do Chủ tịch UBND phường, xã; thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp khen thưởng và đề nghị Chủ tịch UBND quận, huyện hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thành phố (các sở, ban ngành và tương đương) khen thưởng hoặc trình Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng.

13. Đối với tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất hoặc đặc biệt xuất sắc đột xuất trong các lĩnh vực có tầm ảnh hưởng đối với thành phố hoặc khu vực, quốc tế được dư luận, báo chí tôn vinh do đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thông tin, truyền thông phát hiện, biểu dương đề nghị khen thưởng.

Điều 20. Đối tượng, danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước phải có ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy

Các đối tượng, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước sau đây phải có ý kiến bằng văn bản của Ban Thường vụ Thành ủy trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước:

1. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

2. Các hình thức khen thưởng: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập (các hạng); danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, danh hiệu Anh hùng Lao động và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 21. Thời hạn nộp hồ sơ

1. Thời hạn UBND thành phố Đà Nẵng nộp hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thực hiện theo Khoản 1, Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thời hạn các đơn vị, địa phương nộp hồ sơ về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố) cụ thể như sau:

a) Hồ sơ đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ: Chậm nhất ngày 15 tháng 3 hàng năm.

b) Hồ sơ trình khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND thành phố: Chậm nhất ngày 31 tháng 3 hàng năm (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình công hiến và khen thưởng đối ngoại).

c) Hồ sơ trình khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được cấp Nhà nước: Chậm nhất ngày 29 tháng 4 hàng năm.

d) Thời điểm trình hồ sơ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc là năm liền kề với năm có quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua thành phố. Hồ sơ gửi chậm nhất ngày 05 tháng 9 hàng năm.

đ) Riêng đối với ngành Giáo dục và Đào tạo: Chậm nhất ngày 01 tháng 8 hàng năm đối với khen thưởng cấp thành phố và chậm nhất ngày 05 tháng 9 hàng năm đối với khen thưởng cấp Nhà nước.

e) Đối với khen thưởng công hiến, các đơn vị, địa phương gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn trước khi nghỉ chế độ 07 tháng để thành phố xét trình Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ đúng thời gian quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ (trước khi cá nhân nghỉ chế độ 06 tháng).

Điều 22. Thời gian giải quyết hồ sơ, thông báo kết quả xét khen thưởng

1. Thời gian giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo Điểm b, Khoản 2, Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND thành phố, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, thành phố xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

Riêng đối với Huân chương Độc lập, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Sao vàng; danh hiệu Anh hùng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; danh hiệu Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sĩ, Nghệ nhân; Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, thành phố xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Thời gian thông báo kết quả xét khen thưởng thực hiện theo Khoản 3, Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương V**HIỆN VẬT, MỨC TIỀN THƯỞNG,
QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG****Điều 23. Hiện vật, mức tiền thưởng**

1. Hiện vật, mức tiền thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo Điều 69 đến Điều 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Nguyên tắc tính tiền thưởng thực hiện theo Điều 68 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định khen thưởng. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

b) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

d) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

đ) Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài được khen các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng kèm theo tặng phẩm lưu niệm. Tặng phẩm do cơ quan đề nghị khen thưởng chuẩn bị tương đương số tiền thưởng được nhận.

3. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khen thưởng, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm lập thủ tục chuyển tiền thưởng cho đơn vị, địa phương trình khen thưởng.

4. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khen thưởng và tiền thưởng, đơn vị, địa phương trình khen thưởng có trách nhiệm chuyển tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng.

Điều 24. Quỹ thi đua, khen thưởng

Việc trích lập và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng các cấp thực hiện theo quy định tại Điều 94 Luật thi đua, khen thưởng và các điều 64, 65, 66, 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương VI**HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG THÀNH PHỐ
TỔ CHỨC, BỘ MÁY LÀM CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG****Điều 25. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố thành lập theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố do UBND thành phố quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố xét, đề nghị Chủ tịch UBND thành phố:

a) Tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua thành phố.

b) Xét và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ để đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước Thành phố anh hùng, Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; đề nghị Chính phủ quyết định tặng Cờ thi đua của Chính phủ và đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc theo quy định.

4. Danh hiệu Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua thành phố phải đạt từ 90% số phiếu đồng ý trở lên của thành viên Hội đồng thì mới đủ điều kiện đề nghị khen thưởng. Các trường hợp khác cần xin ý kiến thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố phải đạt 65% số phiếu thành viên Hội đồng đồng ý trở lên.

Điều 26. Quy định về tổ chức, cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị, địa phương thuộc thành phố

1. Phòng tổ chức - cán bộ (văn phòng hoặc phòng tổ chức - hành chính) của các sở, ban, ngành thành phố; phòng nội vụ thuộc UBND các quận, huyện là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị, địa phương.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc thành phố; UBND các quận, huyện bố trí cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng đảm bảo tính ổn định.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 27. Trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố**

1. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định này, chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua trong phạm vi đơn vị, địa phương mình quản lý. Chủ

tri việc xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng các tập thể, các nhân xuất sắc trong phong trào thi đua thuộc lĩnh vực mình quản lý.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy định (hoặc quy chế) công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị, địa phương mình trên cơ sở Luật thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy định này.

3. Xây dựng kế hoạch và nội dung chương trình bồi dưỡng để tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý. Cử cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền quản lý tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ do Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố tổ chức.

4. Xét, khen thưởng và trình hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng đúng quy định (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố thuộc Sở Nội vụ) và chịu trách nhiệm về thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng có trách nhiệm công khai tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" trên phương tiện thông tin thuộc thẩm quyền quản lý.

Việc lấy ý kiến của nhân dân trên phương tiện thông tin và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp trước khi quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

6. Tập thể, cá nhân kê khai thành tích, xác nhận không đúng sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho cá nhân, tập thể khác để đề nghị khen thưởng; người lợi dụng chức vụ quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm của bộ phận, cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng ở đơn vị, địa phương

1. Căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, 05 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, thủ trưởng đơn vị, địa phương về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua.

2. Bộ phận, cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng ở địa phương chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị, địa phương cùng cấp tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi quản lý.

Điều 29. Trách nhiệm của các cơ quan thông tin, truyền thông trên địa bàn thành phố

1. Thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; phản ánh đúng và kịp thời kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng.

2. Phát hiện, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND thành phố khen thưởng những trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nổi bật, có đóng góp lớn cho thành phố, được dư luận, báo chí tôn vinh.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố

1. Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc xét, công nhận sáng kiến cấp cơ sở tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố.

2. Tham mưu UBND thành phố quyết định công nhận các sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố hoặc đề tài cấp thành phố đã được áp dụng hiệu quả làm cơ sở cho việc xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Tài chính thành phố

1. Hàng năm, trên cơ sở dự toán của Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố được Sở Nội vụ thẩm định gửi Sở Tài chính, trên khả năng cân đối của ngân sách tổng hợp chung vào dự toán ngân sách thành phố, báo cáo UBND thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và Khoản 2, Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương trong việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo đúng quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 32. Trách nhiệm của Sở Nội vụ thành phố

1. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Tham mưu Chủ tịch UBND thành phố chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua trên địa bàn thành phố.

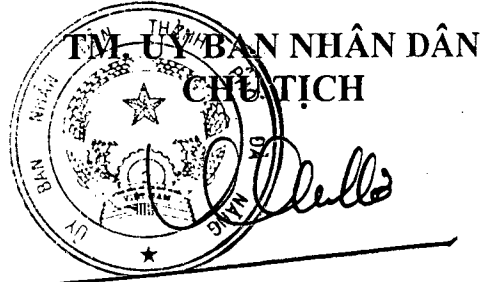
3. Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các đơn vị, địa phương thuộc thành phố, trình Chủ tịch UBND thành phố quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

4. Xây dựng kế hoạch hàng năm về nội dung chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố.

5. Tham mưu UBND thành phố quy định các hình thức động viên, ghi nhận ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong Luật thi đua, khen thưởng và hướng dẫn cách thức tổ chức thực hiện.

6. Tổng hợp các vướng mắc trong công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố báo cáo UBND thành phố xem xét, giải quyết.

Điều 33. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND thành phố (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn công tác thi đua, khen thưởng của thành phố Đà Nẵng./



Huỳnh Đức Thơ

